

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 533/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi (trừ nuôi chim yến) ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ

sung tại điểm a khoản 17 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh, khu du lịch, khu thương mại dịch vụ, điểm du lịch, cơ sở tôn giáo, trường học, bệnh viện, trung tâm y tế, chợ, khu vực đất sử dụng cho cảng hàng không, sân bay dân dụng, trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; cộng đồng dân cư; khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu; quy hoạch đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp được cấp thẩm quyền phê duyệt và khu công trình công cộng khác.

2. Trong phạm vi 100 mét tính từ ranh giới khu vực được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài phạm vi 300 mét tính từ ranh giới quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và khu đất quốc phòng, an ninh hiện hữu và quy hoạch đất quốc phòng, an ninh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi (trừ nuôi chim yến) được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động và được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này được

thực hiện sau khi đã hoàn thành di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này hoặc ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% tổng chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp theo quy định; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương cơ sở/người.

4. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo phân cấp ngân sách hiện hành và theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

b) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh An Giang;

b) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhà yến thuộc các trường hợp phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp theo quy định:

a) Nhà yến trên địa bàn tỉnh An Giang trước sắp xếp đã hoạt động sau ngày 6 tháng 01 năm 2025 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, không thuộc vùng nuôi chim yến của Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Nhà yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trước sắp xếp đã hoạt động sau ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, không thuộc vùng nuôi chim yến của Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, không thuộc đối tượng nhà yến quy định tại khoản 1 Điều này và không thuộc vùng nuôi chim yến quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên hiện trạng, không được coi nới; nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 mét thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026. *uuu*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thắm